

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/KDTM-ST
Ngày: 10-01-2022
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Nguyệt Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nữ;
2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài – Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 18/2021/TLST-KDTM ngày 09 tháng 6 năm 2021 về Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2021/QĐXXST-KDTM ngày 29/11/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2021/QĐST-KDTM ngày 17/12/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần P; địa chỉ: Số 25, đường N, phường B, Quận 1, thành phố H. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quốc T – Chức vụ: Tổng giám đốc; địa chỉ: Số 766/73/9, đường C, phường 5, quận T, thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phan Thanh D, sinh năm 1991 và bà Phạm Thị H; cùng địa chỉ: Lầu 5, số 69, đường P, phường 6, quận 3, thành phố H. Là người đại diện theo ủy quyền (theo giấy ủy quyền ngày 26/4/2021). Ông Phan Thanh D có mặt.

2. *Bị đơn:* Công ty TNHH MTV H; địa chỉ: Số 93/29, đường N, tổ 1, khu 9, phường P, thành phố T, tỉnh B. Người đại diện theo pháp luật: Bà Phan Thị Bích H – Chức vụ: Chủ tịch; địa chỉ: Số 93/29, đường N, tổ 1, khu 9, phường P, thành phố T, tỉnh B. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Phan Thị Bích H, sinh năm 1980; địa chỉ: Số 93/29, đường N, tổ 1, khu 9, phường P, thành phố T, tỉnh B. Có mặt.

3.2. Ông Đỗ Minh T, sinh năm 1976; địa chỉ: Số 93/29, đường N, tổ 1, khu 9, phường P, thành phố T, tỉnh B. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/4/2021 của Ngân hàng TMCP P và quá trình giải quyết vụ án, ông Phan Thanh D là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Giữa ngân hàng TMCP P – Chi nhánh B (viết tắt là ngân hàng) với công ty TNHH MTV H (viết tắt công ty H) đã ký kết với nhau hợp đồng tín dụng số 35683/19MN/HĐTD ngày 24/9/2019 có nội dung: Hạn mức cho vay không vượt quá 3.000.000.000 đồng, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động kinh doanh vận tải hàng hoá bằng đường bộ, bán buôn gỗ chế biến. Mục đích cấp tín dụng được nêu chi tiết trong từng khế ước nhận nợ. Thời hạn cấp hạn mức tín dụng là 12 tháng kể từ ngày 24/9/2019 đến 24/9/2020, thời hạn trả nợ của mỗi lần giải ngân được quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ, cụ thể:

- Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 356831/19MN/HĐTD/KUNN08 ngày 05/5/2020 với số tiền vay là 217.782.140 đồng, thời hạn vay 06 tháng tính từ ngày 06/5/2020 đến ngày 05/11/2020, lãi suất vay trong hạn 10%/năm, kỳ trả nợ 01 tháng/lần vào ngày 22 của tháng, ngày trả nợ đầu tiên vào 22/5/2020;
- Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 356831/19MN/HĐTD/KUNN09 ngày 06/5/2020 với số tiền vay là 399.745.821 đồng, thời hạn vay 06 tháng tính từ ngày 07/5/2020 đến ngày 06/11/2020, lãi suất vay trong hạn 10%/năm, kỳ trả nợ 01 tháng/lần vào ngày 22 của tháng, ngày trả nợ đầu tiên vào 22/5/2020;
- Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 356831/19MN/HĐTD/KUNN10 ngày 22/6/2020 với số tiền vay là 500.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng tính từ ngày 23/6/2020 đến ngày 22/12/2020, lãi suất vay trong hạn 9,5%/năm, kỳ trả nợ 01 tháng/lần vào ngày 22 của tháng, ngày trả nợ đầu tiên vào 22/7/2020;
- Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 356831/19MN/HĐTD/KUNN11 ngày 21/7/2020 với số tiền vay là 500.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng tính từ ngày 22/7/2020 đến ngày 21/01/2021, lãi suất vay trong hạn 9,5%/năm, kỳ trả nợ 01 tháng/lần vào ngày 22 của tháng, ngày trả nợ đầu tiên vào 22/8/2020;
- Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 356831/19MN/HĐTD/KUNN12 ngày 13/8/2020 với số tiền vay là 350.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng tính từ ngày 14/8/2020 đến ngày 13/02/2021, lãi suất vay trong hạn 9,5%/năm, kỳ trả nợ 01 tháng/lần vào ngày 22 của tháng, ngày trả nợ đầu tiên vào 22/8/2020;
- Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 356831/19MN/HĐTD/KUNN13 ngày 25/8/2020 với số tiền vay là 500.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng tính từ ngày 26/8/2020 đến ngày 25/02/2021, lãi suất vay trong hạn 9,5%/năm, kỳ trả nợ 01 tháng/lần vào ngày 22 của tháng, ngày trả nợ đầu tiên vào 22/9/2020.

Tổng số tiền ngân hàng đã giải ngân cho công ty H là 2.467.527.421 đồng.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay của công ty H tại ngân hàng gồm có: Quyền sử dụng đất diện tích 1.531,4m²; thửa đất số 76, tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh B theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB051271, số vào sổ CS02034 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Đỗ Minh T và bà Phan Thị Bích H ngày 22/7/2016; Hợp đồng thế chấp đã được Phòng công chứng số 1 tỉnh B công chứng và được đăng ký thế chấp tại chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện B, tỉnh B ngày 24/9/2019.

Trong thời gian vay vốn tại ngân hàng, từ thời điểm bắt đầu vay đến tháng 02/2021, công ty H trả nợ đầy đủ. Từ tháng 3/2021, khả năng trả nợ của công ty bị suy giảm. Ngân hàng đã gia hạn cho công ty H thời gian trả nợ nhưng công ty vẫn không thực hiện đúng các cam kết và các quy định theo hợp đồng tín dụng trong việc thanh toán nợ vay cho ngân hàng. Số tiền gốc tính đến ngày 25/3/2021 là 2.467.429.247 đồng và đến thời điểm toà sơ thẩm xét xử công ty H số nợ gốc giảm chỉ còn lại số tiền là 2.022.092.531 đồng.

Nay ngân hàng khởi kiện yêu cầu công ty H phải thanh toán cho ngân hàng số tiền nợ gốc là 2.022.092.531 đồng, tiền lãi trong hạn là 48.570.195 đồng, tiền lãi quá hạn tạm tính đến ngày 10/01/2022 là 296.734.504 đồng; tổng cộng là 2.367.397.230 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 11/01/2022 đến khi công ty H thanh toán xong khoản nợ cho ngân hàng.

Trường hợp công ty H không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ cho ngân hàng thì đề nghị Tòa án cho phát mãi tài sản bảo đảm đã thế chấp là: Quyền sử dụng đất diện tích 1.531,4m²; thửa đất số 76, tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh B theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB051271, số vào sổ CS02034 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Đỗ Minh T và bà Phan Thị Bích H ngày 22/7/2016.

Quá trình giải quyết, Công ty TNHH MTV H do bà Phan Thị Bích H là người đại diện theo pháp luật của bị đơn trình bày:

Bị đơn thống nhất với nguyên đơn về hợp đồng tín dụng, các khế ước nhận nợ hai bên đã ký kết. Do quá trình làm ăn gặp nhiều khó khăn nên bị đơn không thanh toán tiền vay cho nguyên đơn đúng theo thỏa thuận. Hiện nay, số tiền gốc bị đơn còn nợ nguyên đơn là 2.022.092.531 đồng. Đối với tiền lãi, bị đơn đề nghị nguyên đơn xem xét giảm lãi và tạo điều kiện để bị đơn thanh toán nợ cho nguyên đơn trong thời gian 06 tháng.

Quá trình giải quyết, bà Phan Thị Bích H và ông Đỗ Minh T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thống nhất trình bày:

Ngày 24/9/2019, bà Phan Thị Bích H và ông Đỗ Minh T đã ký kết với Ngân hàng TMCP P Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số số 28180/19MN/HĐBĐ để bảo đảm cho khoản vay của công ty H. Tài sản thế chấp gồm quyền sử dụng đất diện tích 1.531,4m²; thửa đất số 76, tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh B theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số

CB051271, số vào sổ CS02034 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Đỗ Minh T và bà Phan Thị Bích H ngày 22/7/2016. Bà H và ông T xác nhận số tiền nợ gốc hiện công ty H còn nợ ngân hàng là 2.022.092.531 đồng và đề nghị ngân hàng cho ông, bà thời gian để giải chấp đối với tài sản ông bà đã thế chấp. Trường hợp công ty H không thanh toán được tiền vay cho ngân hàng thì ông T, bà H đồng ý để ngân hàng phát mãi tài sản đã thế chấp.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Các đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật, Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về nội dung: Giữa Ngân hàng TMCP P và Công ty TNHH MTV H đã ký kết với nhau hợp đồng tín dụng số 35683/19MN/HĐTD ngày 24/9/2019 và các giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 356831/19MN/HĐTD/KUNN08 ngày 05/5/2020, giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 356831/19MN/HĐTD/KUNN09 ngày 06/5/2020, giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 356831/19MN/HĐTD/KUNN10 ngày 22/6/2020, giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 356831/19MN/HĐTD/KUNN11 ngày 21/7/2020, giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 356831/19MN/HĐTD/KUNN12 ngày 13/8/2020, giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 356831/19MN/HĐTD/KUNN13 ngày 25/8/2020. Xét thấy, các thỏa thuận của các đương sự trong hợp đồng tín dụng là tự nguyện, không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội và phù hợp quy định của pháp luật nên hợp đồng có giá trị thi hành đối với các bên. Sau khi hợp đồng tín dụng được ký kết, ngân hàng đã tiến hành giải ngân cho công ty H tổng số tiền là 2.467.527.421 đồng. Tuy nhiên, quá trình thực hiện hợp đồng, công ty H đã nhiều lần vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với ngân hàng. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm số tiền công ty H còn nợ ngân hàng tổng số nợ gốc và lãi là 2.367.397.230 đồng, bao gồm nợ gốc số tiền 2.022.092.531 đồng, tiền lãi trong hạn là 48.570.195 đồng, tiền lãi quá hạn tạm tính đến ngày 10/01/2022 là 296.734.504 đồng. Ngân hàng yêu cầu Công ty H phải thanh toán một lần toàn bộ số nợ trên và tiền lãi phát sinh từ ngày 11/01/2022 cho đến khi H thanh toán xong khoản nợ cho ngân hàng. Người đại diện công ty H thống nhất toàn bộ số nợ gốc và lãi theo yêu cầu của ngân hàng, tuy nhiên đề nghị ngân hàng giảm lãi và cho trả dần số nợ trong thời gian 06 tháng.

[2] Hội đồng xét xử xét thấy đối với số tiền nợ gốc, tiền lãi trong hạn, tiền lãi chậm thanh toán giữa nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất. Đối với yêu cầu

xem xét lại tiền lãi của công ty H và đề nghị thanh toán số nợ cho ngân hàng trong thời gian 06 tháng, đây là yêu cầu của công ty H mà phía ngân hàng không đồng ý nên Hội đồng xét xử không ghi nhận. Như vậy, việc bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với nguyên đơn nên việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán nợ gốc và nợ lãi với tổng số tiền yêu cầu là 2.367.397.230 đồng là có căn cứ để chấp nhận. Từ ngày 11/01/2022, bị đơn còn phải tiếp tục trả lãi cho nguyên đơn trên số tiền nợ gốc theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ cho đến khi thi hành án xong.

[3] Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Để bảo đảm cho khoản vay trên, Ngân hàng TMCP P - chi nhánh B và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Minh T, bà Phan Thị Bích H đã ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 28180/19MN/HĐBĐ ngày 24/9/2019 (số công chứng 3728, quyền số 09TP/CC-SCC/HĐGD). Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất diện tích 1.531,4m²; thửa đất số 76, tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh B theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB051271, số vào sổ CS02034 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Đỗ Minh T và bà Phan Thị Bích H ngày 22/7/2016. Tổng giá trị tài sản thế chấp là 4.853.000.000 đồng. Mức bảo đảm nợ vay, nợ bảo lãnh tối đa của tài sản thế chấp không vượt quá 61.82% tương đương số tiền 3.000.125.000 đồng. Xét thấy, hợp đồng thế chấp giữa các đương sự đã được công chứng và được đăng ký thế chấp đúng theo quy định tại các Điều 298, 318, 320, 322 và 325 Bộ luật dân sự 2015, Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm, Nghị định 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm. Do đó, trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán thì nguyên đơn được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Tuy nhiên, khi xử lý tài sản thế chấp cần phải xem xét theo giá trị bảo đảm của hợp đồng thế chấp, cụ thể: Theo Điều 3 của hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 28180/19MN/HĐBĐ ngày 24/9/2019, hai bên thỏa thuận nghĩa vụ được bảo đảm không vượt quá 61.82% giá trị tài sản thế chấp tương đương số tiền 3.000.125.000 đồng. Trường hợp số tiền xử lý tài sản thế chấp không đủ để thanh toán trả cho ngân hàng, thì công ty H phải có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán trả cho ngân hàng số tiền còn thiếu. Trường hợp số tiền phát mại tài sản thế chấp có giá trị lớn hơn số tiền công ty H còn nợ của ngân hàng thì số tiền còn lại sau khi thanh toán khoản vay được trả cho ông Đỗ Minh T và bà Phan Thị Bích H.

[4] Đối với tài sản gắn liền với đất: Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 23/11/2021 của Tòa án nhân dân thành phố T thể hiện: Trên thửa đất số 76, tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh B do ông Đỗ Minh T và bà Phan Thị Bích H đứng tên trên các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có 01 căn nhà cấp 4 kết cấu mái tole, vách tường, nền gạch men và một số cây cao su, cây xoài, mít khoảng 06 năm tuổi. Do các tài sản gắn liền với đất chưa có giấy chứng nhận quyền sở hữu nên không được thể hiện trong hợp đồng thế chấp. Do

vậy, trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì nguyên đơn được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất cùng toàn bộ tài sản gắn liền với đất để thu hồi nợ. Giá trị các tài sản gắn liền với đất sẽ được hoàn lại cho chủ sở hữu theo giá thị trường tại thời điểm đấu giá quyền sử dụng đất để thi hành án.

[5] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[6] Về án phí: Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H – Chi nhánh B không phải chịu án phí. Công ty TNHH MTV H phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 298, 318, 320, 322 và 325 Bộ luật dân sự 2015; các Điều 91, 94, 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm, Nghị định 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ;

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, các Điều 147, 227, 235, 266 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP P đối với Công ty TNHH MTV H về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

- Công ty TNHH MTV H có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP P tổng số tiền là 2.367.397.230 (Hai tỷ ba trăm sáu mươi bảy triệu ba trăm chín mươi bảy nghìn hai trăm ba mươi) đồng, trong đó nợ gốc 2.022.092.531 (Hai tỷ không trăm hai mươi hai triệu không trăm chín mươi hai nghìn năm trăm ba mươi một) đồng, tiền lãi trong hạn là 48.570.195 (Bốn mươi tám triệu năm trăm bảy mươi nghìn một trăm chín mươi lăm) đồng, tiền lãi quá hạn tạm tính đến ngày 10/01/2022 là 296.734.504 (Hai trăm chín mươi sáu triệu bảy trăm ba mươi bốn nghìn năm trăm lẻ bốn) đồng.

Kể từ ngày 11/01/2022 đến khi thi hành án xong, Công ty TNHH MTV H còn phải tiếp tục trả lãi trên số nợ gốc theo mức lãi suất do các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ.

- Trường hợp Công ty TNHH MTV H chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ trên thì Ngân hàng TMCP P có

quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành kê biên, bán đấu giá tài sản thế chấp để thu hồi nợ, cụ thể: Quyền sử dụng đất diện tích 1.531,4m²; thửa đất số 76, tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh B theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB051271, số vào sổ CS02034 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Đỗ Minh T và bà Phan Thị Bích H ngày 22/7/2016.

Giá trị tài sản sau khi trừ đi số tiền nợ phải trả nếu số tiền xử lý tài sản thế chấp không đủ để thanh toán trả cho ngân hàng, thì công ty H phải có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán trả cho ngân hàng số tiền còn thiếu. Trường hợp số tiền phát mại tài sản thế chấp có giá trị lớn hơn số tiền công ty H còn nợ của ngân hàng thì số tiền còn lại sau khi thanh toán khoản vay được trả cho ông Đỗ Minh T và bà Phan Thị Bích H.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Công ty TNHH MTV H phải chịu số tiền 79.347.945 đồng (Bảy mươi chín triệu ba trăm bốn mươi bảy nghìn chín trăm bốn mươi lăm) đồng tiền án phí kinh doanh thương mại.

- Trả lại cho Ngân hàng TMCP P số tiền 31.835.000 (Ba mươi một triệu tám trăm ba mươi lăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0051470 ngày 18/5/2021.

3. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS Tp. Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Thị Nguyệt Ánh